

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 503/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08-5-2025

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Văn Bé, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:** Không tham gia.

Trong ngày 08/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1318/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2025 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 195/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Lê Thị Diễm L, sinh năm: 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: Số C, Đường P, Tổ D, ấp P, xã P, huyện C, , Thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm: 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số H, quốc lộ B, tổ F, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Oanh K trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn B là vợ chồng, tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 23/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Cả hai không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi dần tới một thời gian dài không nói chuyện với nhau. Tình cảm vợ chồng dần dần nhạt phai, mâu thuẫn ngày càng tăng lên.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà L làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tấn B.
2. Về con chung: Có 2 con chung là Nguyễn Lê Quỳnh N, sinh ngày: 06/12/2016 và Nguyễn Lê Quỳnh N1, sinh ngày: 12/6/2018.

Sau khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, bà xin được quyền nuôi 2 con chung là Nguyễn Lê Quỳnh N, sinh ngày: 06/12/2016 và Nguyễn Lê Quỳnh N1, sinh ngày: 12/6/2018

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà L không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn B vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Oanh K yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, thuộc trường hợp “”Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Minh T cư trú tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Việc vắng mặt của ông Nguyễn Minh T, Tòa án đã triệu tập, xác minh nơi cư trú và thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Đồng thời, ngày 30/12/2024, bà K có Đơn xin xét vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị Oanh K và ông Nguyễn Minh T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 157/Quyển 01/2011 ngày 18/10/2011, hôn nhân giữa bà K và ông T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà K yêu cầu ly hôn với ông T vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông T vắng mặt không có lý do chính đáng là tự bỏ quyền chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Minh T1, sinh năm: 04/08/2012; Bà K đồng ý giao cho ông T được quyền tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T1. Trẻ Nguyễn Minh T1, sinh năm: 04/08/2012 có nguyện vọng sống với ông Nguyễn Minh T. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà K về việc đồng ý giao trẻ Nguyễn Minh T1 cho ông T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc bà K cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Các bên không tranh chấp.

[7] Về nợ chung: Các bên không tranh chấp.

[8] Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, bà K phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nhận thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Oanh K.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Oanh K được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 157 Quyền 01/2011 ngày 18/10/2011, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Huỳnh Thị Oanh K và ông Nguyễn Minh T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Minh T1, sinh năm: 04/08/2012 cho ông Nguyễn Minh T được quyền tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Thị Oanh K được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên không tranh chấp.

- Về nợ chung: Các bên không tranh chấp.

2. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Huỳnh Thị Oanh K chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016482 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thị Oanh K đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã A,
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Liêm